

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN KẾ TOÁN NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HƯNG PHÚ

1.1. Khái niệm:

1.1.1. Khái niệm nợ phải thu

❖ Khái niệm về nợ phải thu:

- “ Nợ phải thu là các khoản tiền mà doanh nghiệp cần thu từ khách hàng khi bán chịu hàng hóa hoặc dịch vụ. Ngoài ra, nợ phải thu còn bao gồm các khoản doanh nghiệp sẽ nhận được từ việc cho vay, ứng trước, hoặc các khoản thanh toán khác. Đây là một phần quan trọng trong tài sản của doanh nghiệp, giúp duy trì dòng tiền và đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục”. (Võ Văn Nhị, 2015)

❖ Khái niệm trích lập dự phòng phải thu khó đòi

- “ Là khoản nợ mà người mắc nợ hoặc không có khả năng thanh toán các khoản nợ đúng kỳ hạn. Là dự phòng phần giá trị tổn thất của các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, chưa đến hạn nhưng không có khả năng thu hồi được ”.

a) Doanh nghiệp trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:

- “ Khách hàng chậm thanh toán, nợ phải thu quá hạn thanh toán là các khoản nợ mà khách hàng không thanh toán đúng hạn theo hợp đồng kinh tế hoặc khế ước vay nợ.. Việc xác định thời gian quá hạn thanh toán của các khoản nợ này để trích lập dự phòng khó đòi dựa trên thời gian và thời điểm trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu.

Nợ phải thu khách hàng chưa đến hạn thanh toán nhưng khách hàng nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, công ty làm thủ tục giải thể, mất tích bỏ trốn”. (Điều 45 thông tư 200/2014/TT-BTC)

b) Theo khoản 1 Điều 45 Thông tư 200/2014/TT-BTC , để trích lập dự phòng khó đòi quy định điều kiện các khoản nợ phải thu khách hàng như sau:

- Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách hàng về số tiền còn nợ chưa trả, bao gồm: hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết nợ, và biên bản đối chiếu công nợ. Những chứng từ này giúp xác minh và đảm bảo tính chính xác của các khoản nợ phải thu, đồng thời là căn cứ pháp lý quan trọng trong việc xử lý các khoản nợ khó đòi.....

- Theo quy định hiện hành tại thông tư 48/2019/TT-BTC, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được xác định như sau

Bảng 1.1: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

(Nguồn: Khoản 2 Điều 6 Thông tư 48/2019/TT-BTC)

STT	Thời hạn quá hạn của các khoản nợ	Mức trích lập dự phòng
1	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị khoản nợ
2	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị khoản nợ
3	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị khoản nợ
4	Từ 3 năm trở lên	100% giá trị khoản nợ

1.1.2. Đặc điểm, phân loại kế toán nợ phải thu

❖ Đặc điểm

- Các khoản nợ phải thu khách hàng không được phép giao dịch tại trên các thị trường chứng khoán.
- Nợ Phải thu khách hàng là khoản tiền mà khách hàng có thể chiếm dụng vốn do doanh nghiệp bán chịu hàng hóa và dịch vụ chưa thu tiền được. Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào, dù là công ty sản xuất hay thương mại dịch vụ, khoản phải thu khách hàng luôn chiếm một tỷ trọng lớn trong hoạt động kinh doanh.
- “ Nợ phải thu khách hàng phát sinh tại thời điểm bán hàng và thời điểm nhận tiền không trùng khớp. Đây là số tiền mà doanh nghiệp có thể sẽ nhận được trong tương lai. Vì vậy, nợ phải thu khách hàng được coi là tài sản của doanh nghiệp và được ghi nhận “. (Trích thông tư 200/2014/TT-BTC).

❖ Phân loại nợ phải thu ngắn hạn và nợ phải thu dài hạn:

- “ Nợ ngắn hạn là khoản nợ có thời gian nhỏ hơn 1 năm thu hồi hoặc trong một chu kỳ kinh doanh bình thường. Nợ dài hạn là khoản nợ có thời gian hơn 1 năm thu hồi lớn hơn một năm hoặc quá một chu kỳ kinh doanh bình thường.” (Trích: Khoản 4 điều 102 Thông tư 200/2014/TT-BTC)

1.1.3. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán nợ phải thu

❖ Vai trò

- Kế toán nợ phải thu đóng vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo dòng tiền được luân chuyển một cách hiệu quả và chính xác. Một số vai trò của kế toán nợ phải thu kể đến như sau:

- Đảm bảo ghi chép lại đầy đủ, chính xác và giám sát kịp thời các thông tin nghiệp vụ phải thu với từng đối tượng khách hàng. Đồng thời kiểm tra thời hạn thanh toán và đánh giá khả năng thu hồi nợ của khách hàng.
- Kiểm tra định kỳ hoặc cuối kỳ (tháng, quý, năm) với những trường hợp khách hàng vẫn còn nợ, nhưng có các hoạt động mua bán thường xuyên hoặc khách hàng có số dư nợ lớn.

❖ **Nhiệm vụ**

- Tiếp nhận và kiểm tra nội dung hợp đồng bán hàng, hóa đơn GTGT... bao gồm các thông tin về khách hàng, số tiền và các điều khoản và hình thức thanh toán,...
- Theo dõi, giám sát và ghi nhận các biến động phát sinh tăng giảm của công nợ phải thu khách hàng bằng tiền mặt và TGNH theo ngày, tháng, quý và năm.
- Thực hiện theo dõi và đối chiếu công nợ với các đối tượng từng khách hàng thông qua các biên bản đối chiếu công nợ của doanh nghiệp.
- Sau đó lập báo cáo tổng hợp với các số công nợ phải thu khách hàng theo yêu cầu của cấp trên.

1.2. Ý nghĩa và sự cần thiết của đề tài nghiên cứu Kế toán nợ phải thu khách hàng:

- Trong hoạt động kinh doanh sản xuất của doanh nghiệp, do nhiều tác nhân luôn tồn tại các khoản phải thu khách hàng phát sinh thường xuyên...
- Sự tồn tại của các khoản nợ phải thu chủ yếu do: Doanh nghiệp áp dụng chính sách bán chịu hàng hóa và thanh toán không dùng tiền mặt. Để thu hút được lượng khách hàng và đẩy mạnh sản phẩm hàng hóa đang tồn kho, tăng khả năng cạnh tranh.
- Vì vậy, mỗi doanh nghiệp cần xây dựng các chính sách theo dõi quản lý nợ phải thu một cách hợp lý nhằm tạo ra những điều kiện để đẩy mạnh hàng tồn kho và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, hạn chế được các khoản chi phí thiệt hại và mức độ rủi ro mất vốn.

1.3. Luật, thông tư và chuẩn mực kế toán:

1.3.1. Luật Kế toán:

Luật số 88/2015/QH13 Hà Nội ngày 20 tháng 11 năm 2015 Quốc hội ban hành Luật Kế toán. (Trích Luật 88/2015/QH13)

Điều 4. Nhiệm vụ kế toán

“ Thu thập và xử lý thông tin, số liệu kế toán theo từng đối tượng khách hàng và nội dung công việc kế toán, tuân thủ theo chuẩn mực và chế độ kế toán. Kiểm tra và giám sát các khoản thu từ khách hàng, thanh toán nợ bằng tiền hoặc các khoản tương đương tiền; kiểm tra việc quản lý sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản. Cung cấp thông tin kế toán và số liệu kế toán theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo minh bạch và chính xác “.

Điều 6. Nguyên tắc kế toán

1. Giá trị nợ phải thu được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc và các quy định cũng như các phương pháp kế toán phải được áp dụng nhất quán trong suốt kỳ kế toán. Nếu có bất kỳ thay đổi nào về các quy định hoặc phương pháp kế toán, đơn vị kế toán phải giải trình rõ ràng trong báo cáo tài chính.
2. Các đơn vị kế toán phải thu thập, phản ánh đầy đủ chính xác các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong doanh nghiệp theo đúng kỳ kế toán.
3. Báo cáo tài chính của Công ty phải được lập và gửi đến cơ quan có thẩm quyền đầy đủ, chính xác và kịp thời. Điều này giúp đảm bảo rằng các thông tin tài chính của doanh nghiệp được phản ánh trung thực và minh bạch, đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật.

1.3.2: Thông tư Kế toán:

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành vào ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ Kế toán trong doanh nghiệp.

Điều 17. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

- Các khoản nợ phải thu theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu khách hàng, và các nhân tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.
- Phân loại các khoản phải thu là các khoản phải thu từ khách hàng, các khoản phải thu nội bộ, và các phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc kế toán.
- Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán cần phân loại các khoản phải thu dựa trên kỳ hạn thời gian để phân loại là nợ dài hạn hoặc nợ ngắn hạn. Việc xác định này để xem xét khả năng thu hồi được nợ để và dự phòng phải thu khó đòi.

(Trích Thông tư 200/2014/TT-BTC)

Điều 18. Tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng

1. Nguyên tắc kế toán

“ Tài khoản 131- phải thu khách hàng dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu khách hàng và tình trạng thanh toán các khoản nợ phải thu khách hàng của doanh nghiệp. Ghi nhận các khoản nợ của khách hàng liên quan đến tiền bán chịu sản phẩm, hàng hóa, tài sản cố định, và cung cấp dịch vụ.

Khoản phải thu của khách hàng phải được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng khách hàng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết thời gian kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và phải ghi chép theo từng lần thanh toán. Trong hạch toán chi tiết tài khoản 131, kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn, loại nợ có thể trả đúng hạn, các khoản nợ khó đòi hoặc không khả năng thu hồi được, để có nắm được tình hình căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có các biện pháp xử lý hợp lý đối với các khoản nợ phải thu không đòi được.

Trong trường hợp doanh nghiệp cung cấp bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không đúng theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng (sai về chất lượng, số lượng, kỹ thuật). Thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc có thể trả lại số hàng đã giao “.

(Trích Thông tư 200/2014/TT-BTC)

1.3.3. Chuẩn mực Kế toán:

Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung

- “ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – chuẩn mực chung có quy định: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính của doanh nghiệp có liên quan các khoản nợ phải thu, nguồn vốn, doanh thu, và chi phí phải được ghi trên sổ kế toán vào tại thời điểm phát sinh, không được căn cứ vào thời điểm thực tế thu tiền hoặc tương đương tiền. Theo quy định của chuẩn mực kế toán , các khoản nợ phải thu khách hàng được ghi nhận ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ “.
- “ Nguyên tắc hoạt động liên tục được quy định trong Chuẩn mực số 01, là cơ sở quan trọng để doanh nghiệp đánh giá khả năng thu hồi các khoản nợ và phân loại công nợ một cách hợp lý. Việc phân loại này giúp doanh nghiệp đánh giá rủi ro tín dụng, trích lập dự phòng cho các khoản nợ khó thu và đưa ra các biện pháp thu hồi hiệu quả.

Đồng thời, việc ghi nhận nợ phải thu ngay tại thời điểm phát sinh cũng giúp doanh nghiệp theo dõi chặt chẽ quá trình thu hồi nợ và đảm bảo dòng tiền ổn định “.

Trích: Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung

1.4. Tài khoản và phương pháp hạch toán

1.4.1. Tài khoản sử dụng 131

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 131 - Nợ Phải thu khách hàng.

❖ Bên Nợ tài khoản 131

- Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ kế toán khi bán chịu hàng hóa, sản phẩm, , cung cấp dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính.....
- Số tiền dư thừa trả lại cho khách hàng.

❖ Bên Có tài khoản 131

- Số tiền khách hàng đã thanh toán để trả nợ khi mua hàng hóa, sản phẩm....
- Số tiền đã nhận tạm ứng trước, trả trước của khách hàng;
- Các khoản giảm giá hàng bán khi đã giao hàng và bị khách hàng có khiếu nại về hàng hóa, sản phẩm.....
- Các khoản tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho khách hàng.

1.4.2. Phương pháp hạch toán các khoản nợ phải thu

❖ Khi bán chịu sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay:

- ✓ Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng
- ✓ Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch
- ✓ Có TK 333 - Thuế GTGT và các khoản phải nộp Nhà nước.

❖ Khi hàng hóa sản phẩm bị khách hàng trả lại:

- ✓ Nợ TK 5213 - Hàng bán nhưng bị trả lại
- ✓ Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
- ✓ Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

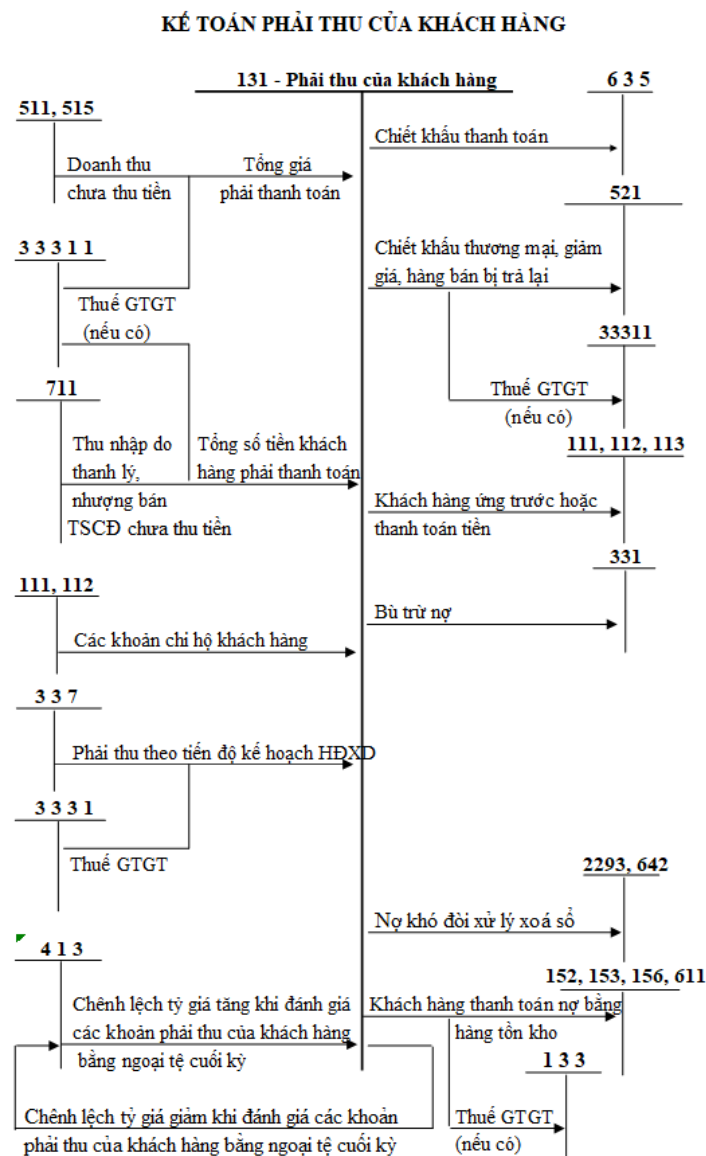
❖ **Khách hàng thanh toán tiền hàng hóa, sản phẩm**

- ✓ Nợ các TK 111, 112,....
- ✓ Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

❖ **Phát sinh các khoản nợ phải thu khó đòi**

- ✓ Nợ TK 229 – Tài khoản dự phòng tổn thất tài sản (2293)
- ✓ Nợ TK 642 - Chi phí quản lý của doanh nghiệp
- ✓ Có TK 131 – Nợ Phải thu của khách hàng.

1.4.3. Sơ đồ chữ T của tài khoản 131- Phải thu khách hàng:



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ chữ T của tài khoản 131- Phải thu khách hàng (Trích: Thông tư 200/2014/TT-BTC)


CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HUNG PHÚ

2.1. Giới thiệu về công ty TNHH sản xuất thương mại Kim Hưng Phú

2.1.1. Thông tin Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng Phú

Bảng 2.1: Thông tin Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng Phú

Logo	
Tên giao dịch tiếng Anh	KIM HUNG PHU TRADING PRODUCTIVE COMPANY LIMITED
Tên giao dịch tiếng Việt	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HUNG PHÚ
Địa chỉ	533/25 Phạm Văn Chí, Phường 07, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số thuế	0315114025
Người đại diện pháp luật	PHÙNG THANH LƯỢNG
Ngày thành lập	15/06/2018
Số điện thoại	0908059939 – 0909069688
Ngành nghề kinh doanh	<ul style="list-style-type: none">– Gia công cơ khí– Bán các loại thép.– Xây dựng nhà, công trình đường, kỹ thuật dân dụng– Phá dỡ và lắp đặt hệ thống điện, nước, điều hòa– Bán ô tô, máy móc thiết bị,....

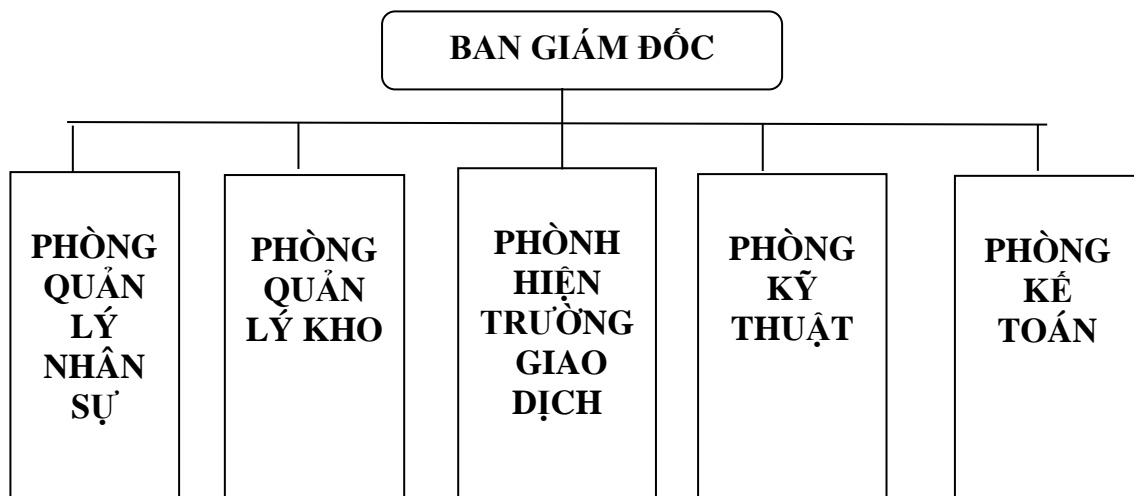
2.1.2. Hình ảnh minh họa



Hình 2.1: Sản phẩm Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng Phú hiện đang kinh doanh (Nguồn: Công ty)

2.1.3. Sơ đồ tổ chức Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng Phú

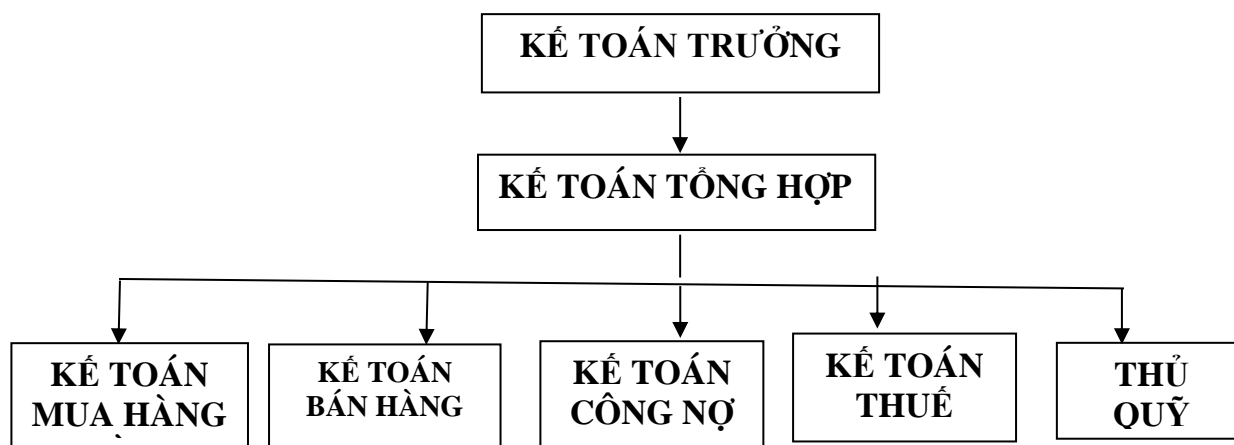
❖ Sơ đồ tổ chức:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức của doanh nghiệp Công ty (Nguồn: Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng Phú cung cấp)

2.2. Tổ chức hệ thống kế toán của Công ty.

2.2.1. Sơ đồ tổ chức phòng kế toán tại công ty



Sơ đồ 2.2 Bộ máy tổ chức phòng Kế toán (Nguồn: Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng Phú cung cấp)

2.2.2. Nhiệm vụ của từng bộ phận tại phòng kế toán của công ty.

❖ **Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Ái Nương**

- Quản lý hoạt động của bộ phận kế toán, chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc công ty về việc quản lý kế toán.
- Giám sát việc quyết toán.
- Lập báo cáo tài chính.

❖ **Kế toán tổng hợp: Trần Ca**

- Kết hợp với kế toán trưởng để xây dựng và đưa ra các biện pháp để phát triển doanh nghiệp đối với các vấn đề liên quan đến các tài chính doanh nghiệp.
- Căn cứ vào tình hình thực tế của doanh nghiệp và để đưa ra các đề xuất nhằm cải thiện quy trình làm việc giúp công việc làm nhanh chóng, hiệu quả và hạn chế thấp nhất sự sai sót.
- Đưa ra kế hoạch công việc và tổ chức nhân sự phù hợp để thực hiện.

❖ **Kế toán bán hàng: Phan thị Phước**

- Hạch toán các bút toán liên quan đến doanh thu của doanh nghiệp vào phần mềm kế toán.
- Kiểm tra, kiểm soát hóa đơn GTGT đầu ra, lưu trữ, sắp xếp hóa đơn đầu ra.

❖ **Kế toán mua hàng: Đỗ Hoài Nam**

- Quản lí các chứng từ bán hàng (hóa đơn GTGT, P XK...) kiểm tra tính chính xác. Theo dõi, ghi chép và phản ứng kịp thời, chính xác việc mua hàng hóa số lượng và số tiền tại thời điểm ghi nhận....

❖ **Kế toán công nợ: Phan Thị Thu Thảo**

- Lập sổ sách kế toán, lập báo cáo hàng tháng, lập bảng kê chi tiết theo dõi và gửi biên bản đối chiếu cho từng khách hàng sắp xếp đến hạn và quá hạn thanh toán.
- Kế toán theo dõi từng khoản phát sinh công nợ phải thu của từng khách hàng.
- Kiểm tra những chứng từ khi lập thủ tục thu. Thực hiện công việc theo dõi, đối chiếu với sổ phụ của ngân hàng, sổ quỹ.....

❖ **Thủ quỹ: Hạng Thị Thu Hằng**

- Quản lý tiền mặt trong két sắt, bảo vệ tiền mặt an toàn.
- Thực hiện việc thanh toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hàng ngày theo quy trình thanh toán của doanh nghiệp.
- Thực hiện việc thu tiền mặt, thu tiền gửi ngân hàng khách hàng theo quy trình bán hàng của doanh nghiệp.
- Thực hiện kiểm tra theo dõi về tính hợp pháp và hợp lý của các chứng từ thu chi trước khi xuất và nhập tiền khỏi quỹ.
- Thực hiện theo dõi ,kiểm kê và đối chiếu quỹ hàng ngày với kế toán Công nợ.
- Lưu trữ chứng từ thu chi tiền.

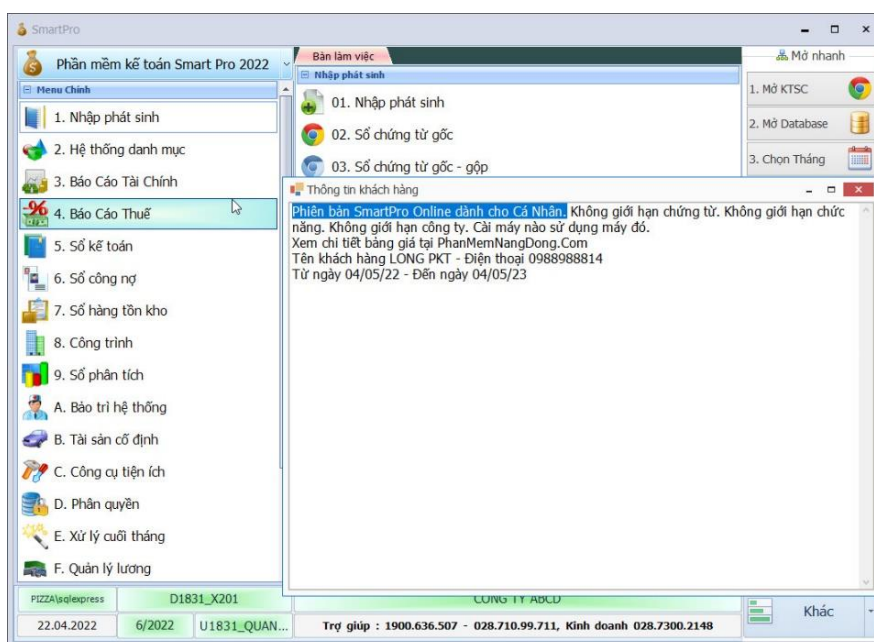
❖ **Kế toán thuế: Trần Hồng Thiên**

- Hàng ngày, kế toán tập hợp các hóa đơn và chứng từ phát sinh để theo dõi và hạch toán
- Lập tờ khai GTGT của công ty để nộp các báo cáo thuế lên cơ quan thuế đầy đủ, đúng thời gian quy định của pháp luật.
- Hàng quý, kế toán tổng hợp số liệu của cả quý, lập các báo cáo thuế định kỳ như GTGT, TNCN, TNDN và báo cáo sử dụng hóa đơn. Cuối năm, kế toán hoàn thiện báo cáo tài chính, tổng hợp và quyết toán thuế TNDN, TNCN.

2.3. Đặc điểm và chính sách kế toán

2.3.1. Đặc điểm

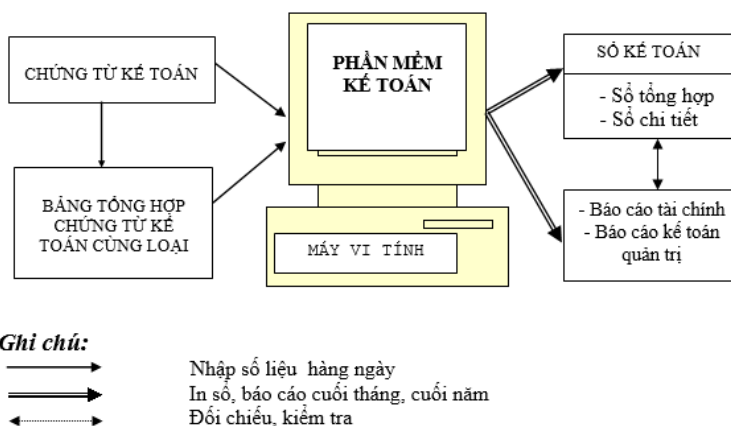
- Chế độ kế toán: Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.
- Đơn vị sử dụng tiền tệ: Việt Nam đồng (VNĐ).
- Niên độ kế toán: Bắt đầu vào từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm.
- Hình thức kế toán: Nhật ký chung.
- Xử lý dữ liệu kế toán bằng: Phần mềm kế toán SMARTPRO kết hợp với Excel.



Hình 2.2: Giao diện phần mềm SmartPro (Nguồn: Tác giả thu thập)

2.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

❖ Sơ đồ hình thức kế toán máy.



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức kế toán máy (Nguồn: Thông tư 200/2014/TT-BTC)

2.3.3. Chính sách kế toán:

- Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền: phù hợp với quy định Chuẩn mực của kế toán.
- Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán: Tỷ giá thực tế giao dịch của ngân hàng thương mại tại thời điểm phát sinh.
- Về phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Nguyên tắc kế toán nợ phải thu: Phân loại từng chi tiết theo từng đối tượng khách hàng, có đánh giá lại các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ.
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền cuối kỳ.
- Khấu hao theo nguyên giá.
- Phương pháp trích khấu hao theo đường thẳng.
- Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán: Đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.
- Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận đầy đủ chi phí trong kỳ báo cáo.
- Nguyên tắc chi phí tài chính: Ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay trong kỳ kế toán.
- Các nguyên tắc và phương pháp khác: Báo cáo tài chính được trình bày trên các cơ sở kế toán phải tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành; theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.4. Thực trạng kế toán nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH sản xuất thương mại Kim Hưng Phú

2.4.1. Yêu cầu của công việc:

❖ Mục đích công việc:

- Đối với doanh nghiệp, kế toán nợ phải thu rất quan trọng quyết định rất nhiều lợi ích của doanh nghiệp. Kế toán công nợ phải thu phải đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của thông tin liên quan đến khách hàng, nhằm để giúp doanh nghiệp quản lý các công nợ phải thu một cách hiệu quả
- Quản lý toàn bộ công nợ của công ty như sau:
 - + Kiểm tra chi tiết công nợ của từng khách hàng, từng nhà cung cấp theo từng chứng từ phát sinh công nợ phải thu khách hàng, thời hạn thanh toán, số tiền quá hạn, bán cho bộ phận bán từ phát sinh công nợ và bộ phận quản lý cấp trên.
 - + Theo dõi công nợ hiện tại của doanh nghiệp và có những biện pháp thu hồi nợ hiệu quả, kịp thời.
 - + Đến định kỳ hoặc khi có yêu cầu phải lập báo cáo tình hình công nợ của công ty một cách chính xác, rõ ràng, minh bạch.

❖ Nhiệm vụ của chính sách kế toán nợ phải thu khách hàng:

Kế toán nợ phải thu khách hàng cần phải:

- Lên danh sách công nợ phải thu khách hàng (công nợ đầu ra 131). Lưu giữ chứng từ (- Phiếu thu, giấy báo có,...) và soạn các chứng từ đi thu công nợ (Công văn đòi nợ, biên bản đối chiếu công nợ).
- Theo dõi ghi chép chính xác lại các diễn biến phát sinh tăng, giảm công nợ theo ngày, tháng, năm, quý.
- Lập lịch thanh toán công nợ đối với khách hàng, điều khoản và hình thức thanh toán, chính sách phạt quá hạn,...
- Tính toán số công nợ phải thu khách hàng phát sinh hằng tháng, hằng quý lập giấy thông báo thanh toán công nợ khách hàng. Mở các sổ chi tiết để theo dõi chặt chẽ từng khoản nợ phải thu.
- Báo cáo với giám đốc về tình hình công nợ phải thu để lên kế hoạch thu hồi các khoản nợ xấu.

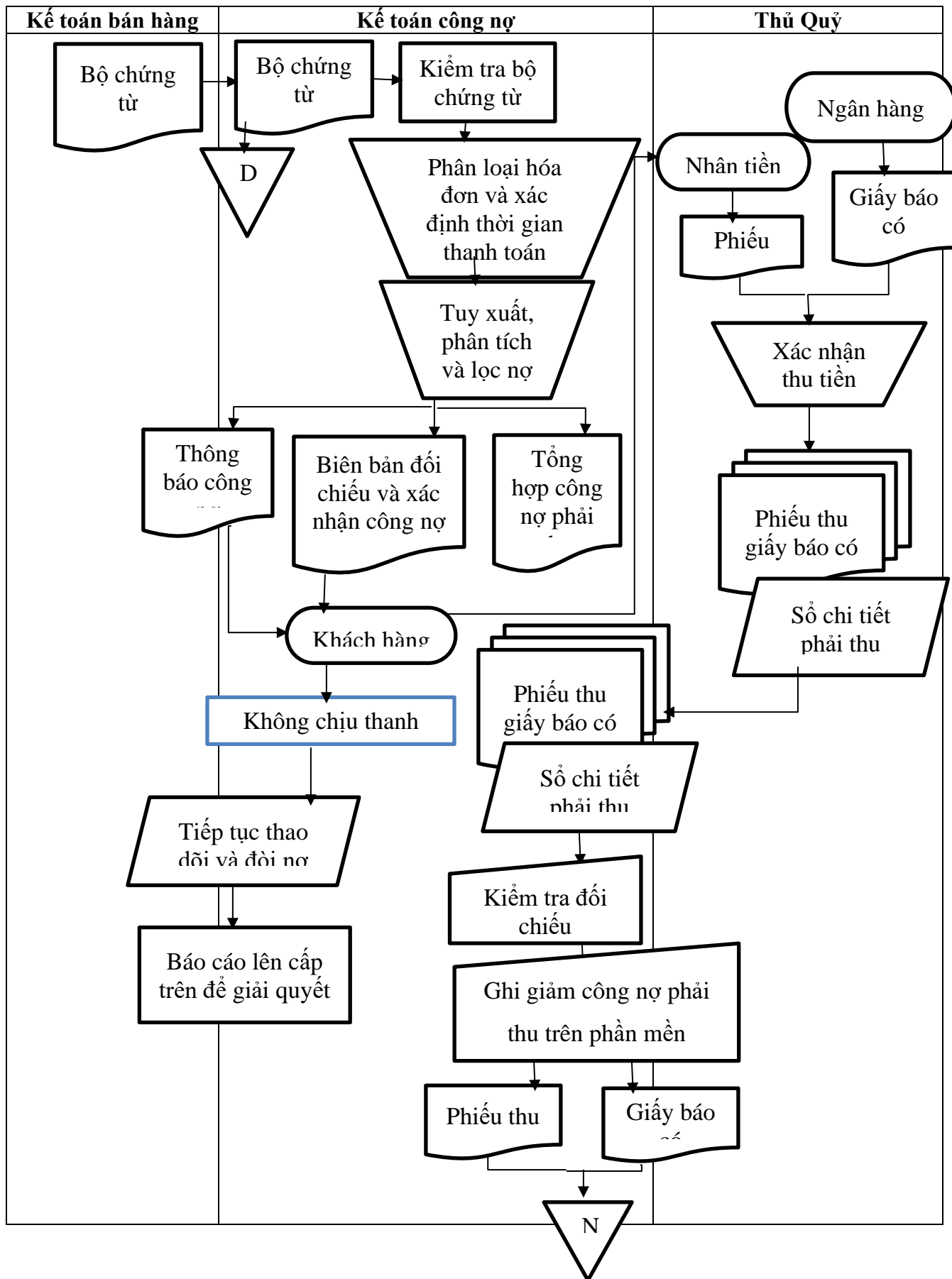
❖ **Kết quả của công việc:**

- Hoàn thành công việc của kế toán nợ phải thu khách hàng, cung cấp được các thông tin kế toán một cách kịp thời, chính xác cho doanh nghiệp để xác định các khoản nợ.
- Đồng thời theo dõi, quản lý các khoản phải thu tốt doanh nghiệp sẽ tránh được những thiệt hại không đáng có giúp cho sự phát triển của công ty.
- Vì vậy, kế toán công nợ phải thu có vai trò rất quan trọng, phản ánh được tình hình phát sinh của tài chính doanh nghiệp và phân tích kịp thời đưa ra được các kế hoạch phát triển giúp doanh nghiệp lành mạnh hóa tình hình tài chính.

❖ **Các yêu cầu cho vị trí công việc:**

- Trình độ: Tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành Kế toán.
- Kinh nghiệm: Ít nhất 1 năm trong lĩnh vực kế toán.
- Kiến thức chuyên môn: Nắm được chính sách liên quan đến kế toán, hạch toán các nghiệp vụ liên quan.
- Kỹ năng: Thành thạo tin học văn phòng, có khả năng giao tiếp tốt, cẩn thận, chăm chỉ, có sự cầu tiến và trung thực.

2.4.2. Lưu đồ theo dõi của kế toán nợ phải thu khách hàng:



Lưu đồ 2.1: Kế toán nợ phải thu khách hàng (Nguồn: Tác giả thu thập)

Diễn giải lưu đồ:

Bước 1: Sau khi Kế toán bán hàng ký hợp đồng bán hàng thành công, Kế toán bán hàng sẽ tiến hành luân chuyển bộ chứng từ cho Kế toán công nợ.

- Kiểm tra bộ chứng từ: Bộ chứng từ có đầy đủ hợp đồng, hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho cho Kế toán công nợ kiểm tra nội dung, các điều khoản thanh toán, thời hạn thanh toán, kiểm tra có đầy đủ các chứng từ và chữ ký có hiệu lực của pháp luật.
- Kiểm tra hóa đơn GTGT xem có đúng về số lượng và số tiền.

Bước 2: Gửi công nợ đến khách hàng để đòi nợ:

- Kế toán sẽ liệt kê các khoản nợ phải thu theo từng đối tượng để theo dõi và đòi nợ. Đồng thời gửi thông báo nợ cho khách hàng, truy suất phân tích nợ và lọc những khoản nợ gần đến hạn thanh toán,
- Kế toán công nợ liên hệ với khách hàng để đối chiếu xác nhận nợ thông qua mail, Điện thoại...để tiến hành hỏi thúc thanh toán nhanh nhất có thể.
- Cuối tháng kế toán công nợ lập Sổ chi tiết, Sổ cái, tổng hợp công nợ phải thu khách hàng để dễ dàng theo dõi và quản lý công nợ.

Bước 3: Thu tiền và ghi hạch toán giảm công nợ:

- Khi khách hàng chấp nhận thanh toán, kế toán công nợ nhận phiếu thu và giấy báo có Nhận được tiền nhân viên Thủ quỹ sẽ in giấy báo có. Thủ quỹ gửi sang Kế toán công nợ tiến hành đối chiếu, kiểm tra số tiền phải thu khách hàng với số tiền thu được có khớp với nhau hay không. Khớp số tiền, kế toán công nợ tiến hành hạch toán ghi giảm công nợ phải thu khách hàng trên phần mềm Smart Pro thu theo những hóa đơn mà khách hàng đã thanh toán. Phần mềm tự động ghi nhận vào Nhật ký chung, sổ cái 131 và sổ chi tiết 131 của từng đối tượng khách hàng.

Bước 4: Sau khi gửi bản đối chiếu và xác nhận nợ cho khách hàng mà không thanh toán, kế toán công nợ theo dõi nhắc nhở cho khách hàng thanh toán.

Bước 5: Cuối mỗi tháng kế toán công nợ lập các báo cáo: Tổng công nợ phát sinh trong tháng, Sổ chi tiết, Sổ cái, Báo cáo công nợ phải thu gửi lên kế toán trưởng ký duyệt.

Nghiệp vụ 1: Giảm công nợ Phải thu khách hàng bằng TGNH.

Công ty TNHH sản xuất thương mại Kim Hưng Phú ký hợp đồng mua bán với Công ty TNHH thương mại thép Chung Hòa .

Ngày 14/11/2023 Kế toán Công nợ nhận hóa đơn GTGT 218, phiếu xuất kho từ Kế toán bán hàng, sau khi đã đối chiếu việc xuất bán chịu hàng Thép cán nóng ký hiệu 1C23THP, hóa đơn số 218 (**Hình 2.4**) cho Công ty TNHH thương mại thép Chung Hòa trị giá 1.860.210.440, thuế suất 10% chưa thu tiền. Ngày 15/11/2023 khách hàng thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng theo số hóa đơn GTGT số 218. Căn cứ vào giấy báo có, Kế toán hạch toán ghi giảm công nợ phải thu cho khách hàng và đồng thời ghi sổ cái tiền ngân hàng.

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HUNG PHÚ
Địa chỉ :533/25 Phạm Văn Chí , Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí M
Mã số thuế : 0315114025

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO SỐ : 218

Ngày 14 tháng 11 năm 2023

Nợ : 632
Có : 1561

Họ tên người nhận hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÉP CHUNG HOA

Theo HĐ số 218 Ngày 14/11/23

Lý do xuất : Xuất kho theo HĐ số : 218,14/11/23

Xuất tại kho công ty

STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép cán nóng	TCNONG	Kg	110,000.00	15,364	1,690,000,400
Tổng Cộng						1,690,000,400

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Một tỷ sáu trăm chín mươi triệu bốn trăm đồng

Ngày 14 tháng 11 năm 2023

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

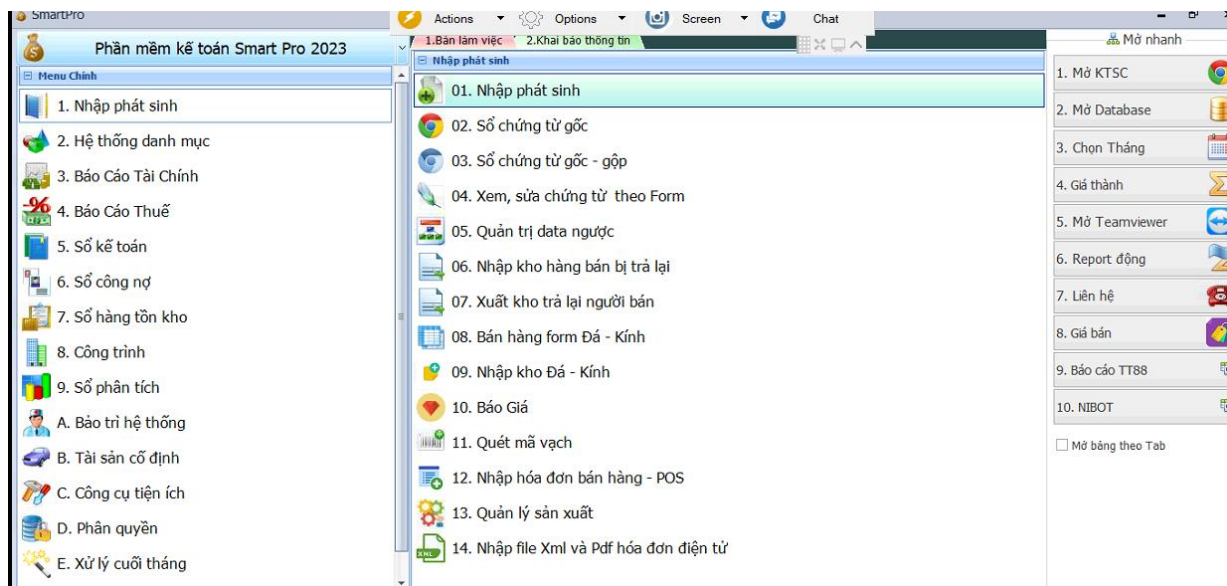
Kế toán trưởng

Hình 2.3: Phiếu Xuất kho 218 ngày 14/11/2023

(Nguồn: Công ty cung cấp)

Kế toán công nợ căn cứ vào số liệu và thông tin trên hóa đơn GTGT số 218 (Hình 2.4). Nhân viên Kế toán công nợ đối chiếu và so sánh với hợp đồng mua bán. Có thấy hợp lý, Kế toán công nợ hạch toán ghi giảm tiền phải thu khách hàng đồng thời ghi nhận trên hệ thống phần mềm Smart Pro. Để nhập dữ liệu vào phần mềm, cần thực hiện những thao tác như sau:

Bước 1: Chọn phần mềm Smart Pro trên máy vi tính và đăng nhập ta sẽ được giao diện như sau. (Hình 2.5)



Hình 2.5: Giao diện sau khi đăng nhập phần mềm Smart Pro (Nguồn: Tác giả quan sát)

Bước 2: Chọn nhập phát sinh → Nhập phát sinh → Chọn loại chứng từ HDBR → Nhập các thông tin → Nhấn lưu để hoàn tất chứng từ nhập liệu. (Hình 2.6)

Số lượng	Đơn giá	Tiền Vnd	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
kg	110,000.00	15,373.64	1,691,100,400	10	33311	169,110,040

Hình 2.6: Giao diện khoản phải thu khách hàng Chung Hòa (Nguồn: Tác giả quan sát)

Đến ngày 15/11/2023 kê toán công nợ căn cứ vào Giấy báo có nhận từ thủ quỹ với số tiền 1.860.210.440 đồng từ Công ty TNHH thương mại thép Chung Hòa ghi giảm công nợ cho khách hàng trên phần mềm Smart Pro. Phần mềm tự động ghi nhận vào Nhật ký chung, số cái 131 và số chi tiết của từng đối tượng khách hàng.

Để ghi giảm công nợ phải thu khách hàng trên phần mềm Smart Pro, nhân viên Kế toán công nợ thực hiện những thao tác như sau: Chọn nhập phát sinh → Nhập phát sinh → loại chứng từ CTNH → Nhập thông tin → Lưu (**Hình 2.7**)

The screenshot shows the 'NHẬP PHÁT SINH' (Enter Transaction) window in the Smart Pro software. The interface includes the following elements:

- Header:** 'NHẬP PHÁT SINH' and navigation tabs: '4. Copy', '3. Khác', '2. Thông tin khách hàng', '1. Nhập'.
- Input Fields:**
 - Loại ctv: CTNH, Mã KH: 0314436647, Ngày HD: 15/11/23, HD VAT: X, STT: 2.
 - Số ctv: 056/11, Ngày ctv: 15/11/23.
 - Diễn giải: Khách hàng thanh toán tiền hàng HD 218.
 - TK Nợ: 1121 (Ngân hàng ACB), ĐTPN Nợ: 0314436647 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÉP CHUNG HOA), YTCP Nợ: [Empty].
 - TK Có: 131 (Phải thu của khách hàng), ĐTPN Có: 0314436647 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÉP CHUNG HOA).
- Summary Table:**

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
1,860,210,440		1331	0	1,860,210,440
- Transaction List Table:**

TT	Seri HD	SỐ HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ	ĐTPN Có	Mã C.Trình
1			15/11/23	Khách hàng thanh toán tiền hàng HD 218	1121	131	1,860,210,440		0	1,860,210,440	0314436647	0314436647	
- Summary Totals:**
 - Tiền hàng: 1,860,210,440
 - Tiền thuế: 0
 - Tổng T. toán: 1,860,210,440
- Footer:** Record 1 of 1, navigation icons, and keyboard shortcuts (Tiếp, Mở KTSC, Mở, Sửa dòng, Lưu dòng, List, Phóng to, Khác, View (Ctrl+P), In (Ctrl+I), Lưu (F12)).

Hình 2.7: Ghi nhận giảm nợ phải thu khách hàng Chung Hòa

(Nguồn: Tác giả quan sát)

Nghiệp vụ 02: Giảm nợ phải thu khách hàng bằng tiền mặt.

Công ty TNHH sản xuất thương mại Kim Hưng Phú ký hợp đồng mua bán với Công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại dịch vụ Thân Thiện

Ngày 30/12/2023 Kế toán Công nợ nhận hóa đơn GTGT số 333, phiếu xuất kho từ Kế toán bán hàng xuất bán chịu hàng thép hộp kẽm thứ phẩm ký hiệu 1C23THP, hóa đơn GTGT số 333 (**Hình 2.9**) cho Công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại dịch vụ Thân Thiện trị giá 19.773.875, thuế suất 10% chưa thu tiền.. Ngày 30/11/2023 khách hàng thanh toán bằng tiền mặt theo số hóa đơn GTGT số 333. Căn cứ vào phiếu thu, Kế toán hạch toán ghi giảm công nợ phải thu cho khách hàng và đồng thời ghi sổ cái quỹ tiền mặt.

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HƯNG PHÚ Địa chỉ :533/25 Phạm Văn Chí , Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí M Mã số thuế : 0315114025				Mẫu số 02 - VT (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
PHIẾU XUẤT KHO				Số : 333		
Ngày 30 tháng 12 năm 2023						
				Nợ :	632	
				Có :	1561	
Họ tên người nhận hàng : CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THÂN THIỆN						
Theo HĐ số 333 Ngày 30/12/23						
Lý do xuất : Xuất kho theo HĐ số : 333,30/12/23						
Xuất tại kho công ty						
STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép hộp kẽm thứ phẩm	THK19	Kg	985.00	18,200	17,927,000
Tổng Cộng						17,927,000
- Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Mười bảy triệu chín trăm hai mươi bảy ngàn đồng						
				Ngày 30 tháng 12 năm 2023		
Người lập phiếu		Người nhận hàng		Thủ kho		Kế toán trưởng

Hình 2.8: Phiếu xuất kho số 333 ngày 30/12/2023

(Nguồn: Công ty cung cấp)

Kế toán công nợ căn cứ vào số liệu và thông tin trên hóa đơn GTGT số 333 (Hình 2.9). Kế toán Công nợ đối chiếu và so sánh với hợp đồng mua bán. Có thấy hợp lý, Kế toán Công nợ hạch toán ghi giảm công nợ phải thu khách hàng 30/12/2023, đồng thời ghi nhận và nhật ký chung và sổ cái 131 trên hệ thống phần mềm Smart Pro.

Để nhập dữ liệu vào phần mềm, cần thực hiện những thao tác như sau:

Bước 1: Chọn phần mềm Smart Pro trên máy vi tính và đăng nhập ta sẽ được giao diện như sau. (Hình 2.5)

Bước 2: Chọn nhập phát sinh → Nhập phát sinh → Chọn loại chứng từ HDBR → Nhập các thông tin → Nhấn lưu để hoàn tất chứng từ nhập liệu. (Hình 2.10)

Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
167,643,391	1,269,714,829
17,976,250	0
0	0
0	0
0.00	0.00

Số lượng	Đơn giá	Tên Vnd	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền	
kg	985.00	18,250.00	17,976,250	10	33311	1,797,625	19,773,875

Hình 2.10: Giao diện khoản phải thu khách hàng Thân Thiện

(Nguồn: Tác giả quan sát)

Đến ngày 15/11/2023 nhân viên kế toán công nợ căn cứ vào phiếu thu số 333 (Hình 2.11) nhận từ Thủ quỹ với số tiền 19.773.875 đồng từ Công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại dịch vụ Thân Thiện sẽ ghi giảm công nợ cho khách hàng trên phần mềm Smart Pro.

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HUNG PHÚ

Địa chỉ : 533/25 Phạm Văn Chí , Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí

Mã số thuế : 0315114025

Mẫu số : 01 - TT

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU THU

Ngày 30 tháng 12 năm 2023

Số : 333

Nợ : 1111

Có : 5111,33311

Họ và tên người nộp tiền : CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THÂN THIỆN

Địa chỉ : 3/26/25 Đường số 1, Khu phố 2, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Lý do nộp : Doanh thu bán hàng

Số tiền : 19,773,875 (Viết bằng chữ) : Mười chín triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng

Kèm theo :333

Ngày 30 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký,họ tên,đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký họ tên)

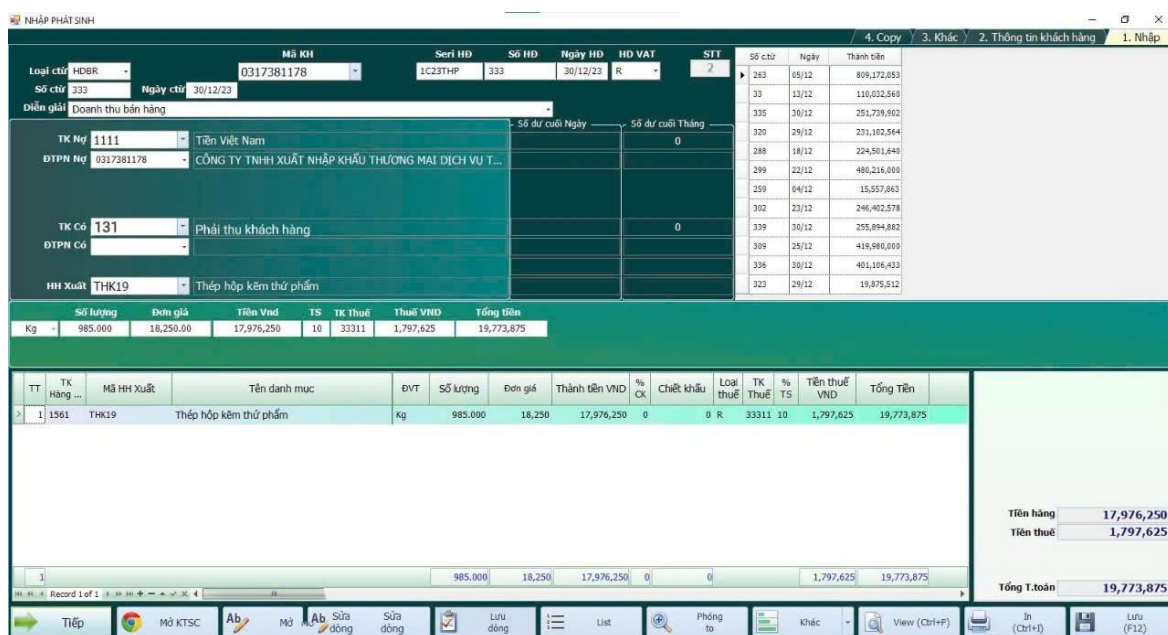
Người nộp tiền
(Ký,họ tên)

Người lập phiếu
(Ký,họ tên)

Thủ quỹ
(Ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ : Mười chín triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng

Để ghi giảm công nợ phải thu khách hàng trên phần mềm Smart Pro, Kế toán công nợ thực hiện những thao tác như sau: Chọn nhập phát sinh → Nhập phát sinh → loại chứng từ → Nhập thông tin → Lưu (**Hình: 2.12**)



Hình 2.12 : Ghi giảm công nợ phải thu khách hàng theo hóa đơn GTGT số 333 (Nguồn: Tác giả quan sát)

2.4.3. Sổ và báo cáo Kế toán

❖ Liên quan đến số kế toán:

- Sổ nhật ký chung (Mẫu số S03a-DNN) **Phụ lục 1**
- Sổ cái TK 131 (Mẫu số S03b-DN) **Phụ lục 2**
- Sổ cái TK 111 (Mẫu số S03b-DN) **Phụ lục 3**
- Sổ quỹ tiền mặt 111 (Mẫu số S07 - DN) **Phụ lục 4**
- Sổ cái TK 112 (Mẫu số S03b-DN) **Phụ lục 5**
- Sổ chi tiết 112 (Mẫu số S38-DN) **Phụ lục 6**
- Sổ cái 33311 (Mẫu số S03b-DN) **Phụ lục 7**
- Sổ chi tiết công nợ theo đối tượng TK 131 – Chung Hòa **Phụ lục 8**

❖ Liên quan đến loại báo cáo kế toán, báo cáo thuế:

- Bảng cân đối kế toán **Phụ lục 9**
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh **Phụ lục 10**

Cuối kỳ, đối với Sổ nhật ký chung, sổ cái, Sổ chi tiết các tài khoản, Sổ theo dõi công nợ, Báo cáo tài chính, bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh... Kế

toán công nợ sẽ xuất từ phần mềm kế toán Smart Pro ra file Excel để lưu trữ trong một folder theo quý/năm và in ra theo quý/năm để đóng thành cuốn và lưu trữ.

❖ **Hình thức các chứng từ, sổ kế toán doanh:**

Các chứng từ được kế toán kiểm tra lại trước khi làm căn cứ ghi sổ, việc luân chuyển chứng từ sẽ được đưa đến phòng kế toán để ghi sổ, theo dõi. Hình thức ghi sổ Công ty đang áp dụng là hình thức Nhật ký chung, do đó mà việc nhập liệu trên phần mềm trở nên thuận tiện, nhanh chóng, dễ dàng. Ngoài ra công ty áp dụng những biểu mẫu chế độ kế toán theo đúng quy định theo Thông tư 200/2014/TT-BTC.

❖ **Liên quan đến công việc kế toán khác:**

- Kế toán trưởng: Quan sát, quản lý, đối chiếu kiểm tra tính chính xác của công việc.
- Kế toán bán hàng: Kiểm tra đối chiếu số liệu, thông tin trên chứng từ như hợp đồng bán hàng (đã ký), đơn xuất hàng, hóa đơn GTGT, bảng kê hóa đơn....lập hóa đơn bán hàng ghi nhận doanh thu.
- Thủ quỹ: Kiểm tra tài khoản ngân hàng khi khách hàng thanh toán bằng TGNH hoặc sổ quỹ tiền mặt khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

❖ **Cách lưu trữ hồ sơ kế toán:**

- Tất cả các hợp đồng có dấu mộc đỏ sẽ được lưu trữ tại phòng Kế toán một bản và bộ phận có liên quan giữ bản còn lại được kẹp thành cuốn và lưu trữ vào cặp hồ sơ của khách hàng.
- Hóa đơn GTGT mua vào- bán ra (sau khi được in ra), biên bản bàn giao chứng từ, bảng kê dịch vụ bán ra, các chứng từ kế toán, các chứng từ thanh toán(Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có,..) có đầy đủ chữ ký theo chức danh sẽ được sắp theo thứ tự, đóng thành cuốn và lưu trữ.
- Cuối kỳ, đối với Sổ nhật ký chung, sổ cái, Sổ chi tiết các tài khoản, Sổ theo dõi công nợ, Báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) sẽ được xuất từ phần mềm kế toán Smart Pro ra file Excel để lưu trữ trong một folder theo năm và in ra theo năm để đóng thành cuốn và lưu trữ.

2.5. Kiểm tra kết quả công việc:

- Người kiểm tra: Kế toán Công nợ có nhiệm vụ đối chiếu kiểm tra chứng từ (Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho,..) trước khi ghi sổ. Trong quá trình ghi sổ cũng đối chiếu giữa các sổ sách kế toán với nhau (giữa sổ Nhật ký chung với sổ chi tiết,..) để phát hiện Kịp thời sai sót, chỉnh sửa lại kịp thời hoặc có biện pháp xử lý thích hợp. Cuối

kỳ Kế toán trưởng sẽ là người kiểm tra, rà soát lại tất cả chứng từ, sổ sách để lên Báo cáo tài chính hoặc báo cáo cho Ban Giám đốc nắm được tình hình chung của công ty.

- Định kỳ kiểm tra: Định kỳ theo tuần/tháng/quý/năm.
- Cách thức kiểm tra: Như đã nêu trên, cách thức để kiểm tra tại công ty hiện nay là do nhân viên tự kiểm tra, so sánh đối chiếu số liệu giữa các sổ xem có khớp số liệu hay chưa. Tiếp đến đối chiếu các chứng từ đã lưu xem có khớp với các sổ hau chưa, sau đó lập báo cáo trình ban giám đốc.

CHƯƠNG 3

NHẬN XÉT VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HUNG PHÚ

3.1. Sự cần thiết về công tác kế toán nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH sản xuất thương mại Kim Hưng Phú

Sau 2 tháng thực tập, tiếp xúc thực tế tại Công ty TNHH sản xuất thương mại Kim Hưng Phú, em đã được học hỏi và trau dồi rất nhiều kiến thức và kinh nghiệm. Vận dụng những kiến thức đã học trên trường cùng với sự quan sát. Em xin nhận định một số ưu điểm về thực trạng công tác kế toán của Công ty TNHH sản xuất thương mại Kim Hưng Phú như sau:

Về công tác kế toán và hệ thống chứng từ sử dụng trong công ty

- Công tác quản lý kế toán của công ty cơ bản đã đúng quy định của pháp luật theo chế độ hiện hành, đáp ứng được các yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.
- Công ty đang sử dụng hình thức sổ Nhật ký chung: Hình thức này rõ ràng, dễ hiểu, rất thuận tiện cho việc phân chia công việc cho phòng kế toán.
- Hệ thống chứng từ hiện tại của công ty đã được thiết lập đầy đủ và phù hợp với hoạt động của công ty, tuân thủ các quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành.
- Bộ phận kế toán đã áp dụng đầy đủ các mẫu biểu theo quy định của Bộ Tài Chính và các quy định riêng của công ty, thực hiện tốt các quy định của chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 bởi Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Về tình hình tổ chức công tác kế toán nợ phải thu:

Về phương diện quản lý

- Công ty luôn chú trọng đổi mới cơ chế quản lý theo hướng phát triển toàn diện, phát huy tính chủ động và sáng tạo ở mọi cấp công việc. Từng bước thống nhất các tiêu chí để chuẩn hóa mô hình hoạt động hiệu quả của Công ty.

Về chứng từ kế toán của công ty

- Công tác hạch toán diễn ra hiệu quả và chính xác, kế toán thực hiện đầy đủ các loại chứng từ cần thiết để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tuân thủ theo quy định của pháp luật.
- Trình tự luân chuyển các loại chứng từ hợp lý, chặt chẽ sẽ giúp kế toán tổng hợp được thông tin chính xác. Làm thuận tiện cho công tác kế toán diễn ra nhanh chóng và chính xác. Tạo điều kiện cho Kế toán cập nhật chứng từ kịp thời, tạo thuận lợi cho việc hạch toán lưu trữ nhanh chóng tăng khả năng hiệu quả công việc và chính xác tuân thủ quy định của pháp luật.

Về sổ sách kế toán của công ty

- Kế toán hạch toán hợp lý, phù hợp với quy định của chế độ Kế toán hiện hành.
- Hiện nay, công ty đang áp dụng hình thức kế toán máy sử dụng phần mềm Smart Pro vào công tác kế toán. Nhờ đó, công tác kế toán được thực hiện đơn giản, nhanh chóng, đảm bảo thông tin được chính xác và thuận tiện trong việc kiểm tra và đối chiếu số liệu.
- Đối với kế toán công nợ phải thu, Công ty lập riêng Bảng theo dõi chi tiết với các khoản phải thu đối với công nợ được tính theo số (ngày, tháng, năm) và theo từng đối tượng khách hàng của các hóa đơn, để tiện cho việc theo dõi. Việc tổ chức theo dõi thường xuyên các khoản nợ phải thu khách hàng không chỉ giúp quản lý tài chính hiệu quả mà còn tăng cường mối quan hệ với khách hàng thông qua việc xử lý công nợ minh bạch và chính xác.

3.2. Yêu cầu hoàn thiện công tác Kế toán nợ phải thu khách hàng tại công ty

TNHH sản xuất thương mại Kim Hưng Phú:

Bên cạnh những ưu điểm vừa nêu ở trên, công tác Kế toán nợ phải thu khách hàng vẫn còn một số nhược điểm cần khắc phục để hoàn thiện:

- **Nhược điểm 1:** Công ty còn lưu trữ tiền mặt nhiều trong két sắt (Phụ lục 4) việc này có thể dẫn đến việc gian lận, sai sót trong kiểm tra tiền của công ty.
- **Nhược điểm 2:** Công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh cho khách hàng. Khách hàng luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm, dịch vụ tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy, việc không áp dụng những chính sách về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không khuyến khích được khách hàng thanh toán đúng hạn. Điều

này làm chậm khả năng thu hồi vốn của công ty và có thể làm giảm số lượng khách hàng.

3.3. Ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nợ phải thu:

- **Giải pháp 1:** Công ty nên gửi tiền vào ngân hàng để lưu trữ và sinh lãi. Đối với các hóa đơn dưới 20 triệu nên thanh toán bằng tiền mặt và hạn chế thanh toán bằng tiền ngân hàng.
- **Giải pháp 2:** Chiết khấu thanh toán là một trong những công cụ để nâng cao được năng lực cạnh tranh của công ty. Để áp dụng chiết khấu thanh toán một cách có hiệu quả trước hết công ty cần xây dựng chính sách phù hợp. Khoản chiết khấu thanh toán được hạch toán vào TK 635 - Chi phí tài chính. Hiện nay với đặc điểm kinh doanh của công ty thì có thể áp dụng mức chiết khấu dựa trên thời gian thanh toán tiền dịch vụ của khách hàng để làm căn cứ xác định tỷ lệ chiết khấu thanh toán.

Số ngày khách hàng thanh toán sớm	Từ 5 đến 10 ngày	Từ 11 đến 25 ngày	Trên 25 ngày
Tỷ lệ chiết khấu được hưởng	1%	2%	3%

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường nhiều biến động, việc khẳng định thương hiệu và giữ chữ tín của công ty là vô cùng quan trọng. Quá trình kế toán các khoản phải thu đóng góp không nhỏ vào sự thành công, giúp công ty duy trì mối quan hệ kinh doanh cũ và mở rộng với các đối tác mới.

Kế toán công nợ là một bộ phận rất quan trọng trong doanh nghiệp. Việc hạch toán đầy đủ, kịp thời và chính xác các công nợ phát sinh của khách hàng trong từng kỳ kế toán sẽ giúp doanh nghiệp có các chính sách thu hồi nợ kịp thời để đảm bảo các khoản nợ được thanh toán đầy đủ.

Quá trình thực tập tại Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng Phú đã giúp em nâng cao kiến thức, là nơi để em để thực hành và học hỏi nhiều điều từ cách ứng xử đến cách làm việc, tích lũy những kinh nghiệm trong cuộc sống.

Em xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và cảm ơn sâu sắc tới cô Thái Ngọc Trúc Phương đã tận tình hướng dẫn em trong việc làm bài khóa luận, cảm ơn các anh chị kế toán trong công ty đã hướng dẫn tận tình để em hoàn thiện bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính (2007), Chuẩn mực Kế toán số 01- Hệ thống chuẩn mực Kế toán Việt Nam (<https://thuvienphapluat.vn/phap-luat-doanh-nghiep/bai-viet/huong-dan-thuc-hien-chuan-muc-ke-toan-so-01-chuan-muc-chung-3524.html>). Ngày truy cập 14 giờ 10 phút ngày 17 tháng 4 năm 2024.
2. Bộ Tài Chính (2007), Chuẩn mực Kế toán số 18 - Hệ thống chuẩn mực Kế toán Việt Nam (<https://thuvienphapluat.vn/phap-luat-doanh-nghiep/bai-viet/huong-dan-thuc-hien-chuan-muc-ke-toan-so-18-khoan-du-phong-tai-san-va-no-tiem-tang-3663.html>). Ngày truy cập 10 giờ 03 phút Ngày 25/4/2024.
3. Thư viện pháp luận (2013), quy định về mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Thong-tu-200-2014-TT-BTC-huong-dan-Che-do-ke-toan-Doanh-nghiep-263599.aspx>. Ngày truy cập 10 giờ 03 phút Ngày 29/4/2024.
4. Võ Văn Nhị (2015) Giáo trình Nguyên Lý Kế toán, Trường đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
5. Bộ Tài Chính (2014), Thông tư 200/2014/ TT- BTC ban hành ngày 22/12/2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Thong-tu-200-2014-TT-BTC-huong-dan-Che-do-ke-toan-Doanh-nghiep-263599.aspx>) . Ngày truy cập 15 giờ 7 phút ngày 17 tháng 4 năm 2024.
6. Quốc hội (2015) Luật Kế toán 88/2015/ QH13, (<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Ke-toan-Kiem-toan/Luat-ke-toan-2015-298369.aspx>). Ngày truy cập 11 giờ 25 phút Ngày 25/4/2024.

PHỤ LỤC

Thứ Tự	Phụ Lục	Nghiệp Vụ	Trang
1	Phụ lục 1	Sổ nhật ký chung	35
2	Phụ lục 2	Sổ cái 131	36
3	Phụ lục 3	Sổ cái 111	37
4	Phụ lục 4	Sổ quỹ tiền mặt	38
5	Phụ lục 5	Sổ cái 112	39
6	Phụ lục 6	Sổ chi tiết 1121	39
7	Phụ lục 7	Sổ cái 33311	40
8	Phụ lục 8	Sổ Chi Tiết Công Nợ Theo Đối Tượng 131- Chung Hòa	40
9	Phụ lục 9	Bảng cân đối kế toán	41-42
10	Phụ lục 10	Báo cáo kết quả kinh doanh	43

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HUNG PHÚ		Mẫu số: S03A-DN
533/25 Phạm Văn Chí, Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
Mã số thuế: 0315114025		ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG (Trích)

Từ ngày 01/10/23 đến ngày 31/12/23

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiện T.	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
10/31/2023	CPCPB.001/10	10/31/2023	Hạch toán CP CPB : Bàn BG06 Tháng 10		201,425	201,425
10/31/2023	CPCPB.006/10	10/31/2023	Hạch toán CP CPB : Bàn gấp Tháng 10		198,667	198,667
11/14/2023	HDBR.218	11/14/2023	Doanh thu bán hàng		1,860,210,440	1,860,210,440
11/30/2023	CPCPB.023/11	11/30/2023	Hạch toán CP CPB : Tivi QLED 4K Samsung Tháng 11		392,803	392,803
12/30/2023	CTNH.020/12	12/30/2023	Thanh toán tiền hàng NCC ĐỢT 1 HĐ 5566		126,624,130	126,624,130
12/30/2023	HDBR.333	12/30/2023	Doanh thu bán hàng		19,773,875	19,773,875

			Xác định kết quả kinh doanh	911	2,536,849	0
			Chi phí đồ dùng văn phòng	6423	0	2,536,849
12/31/2023	KC.11	12/31/2023	Kết chuyển số dư tài khoản 6427		392,803	392,803
			Xác định kết quả kinh doanh	911	392,803	0
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	6427	0	392,803
12/31/2023	KC.12	12/31/2023	Kết chuyển số dư tài khoản 6428		18,773,883	18,773,883
			Xác định kết quả kinh doanh	911	18,773,883	0
			Chi phí bằng tiền khác	6428	0	18,773,883
12/31/2023	KC.13	12/31/2023	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		68,282,606	68,282,606
			Xác định kết quả kinh doanh	911	68,282,606	0
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	0	68,282,606
			Tổng cộng		291,217,790,255	291,217,790,255

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phụ Lục 1: Sổ Nhật Ký Chung

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HUNG PHÚ	Mẫu số S03b-DN
533/25 Phạm Văn Chí, Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)
Mã số thuế : 0315114025	

SỔ CÁI

Mã hiệu :131-Phải thu của khách hàng (Trích)

Từ ngày 01/10/23 đến ngày 31/12/23

Ngày	Chú	từ	Diễn giải	Ti	iền VND	
Ghi Số	Số	Ngày		DU	Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỶ	0	8,115,427,696	0
10/2/2023	CTNH.001/10	10/2/2023	Khách hàng thanh toán tiền hàng HĐ 167	1121	0	368,257,076
11/14/2023	HDBR.218	11/14/2023	Doanh thu bán hàng	5111	1,691,100,400	0
11/14/2023	HDBR.218	11/14/2023	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 218,14/11/23	33311	169,110,040	0
12/30/2023	HDBR.333	12/30/2023	Doanh thu bán hàng	5111	17,976,250	0
12/30/2023	HDBR.333	12/30/2023	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 333,30/12/23	33311	1,797,625	0
12/31/2023	PKT.008/12	12/31/2023	Chênh lệch thanh toán	6428	0	697,125
			CỘNG PHÁT SINH		43,776,223,501	38,517,571,947
			SỐ DƯ CUỐI KỶ		13,374,079,250	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		72,218,652,098	61,295,230,21
					Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc	

Phụ lục 2: Sổ cái Tài khoản 131 phải thu khách hàng

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HUNG PHÚ				Mẫu số S03b-DN		
533/25 Phạm Văn Chí , Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt N				(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC		
Mã số thuế : 0315114025				ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)		
SỔ CÁI						
Mã hiệu :111-Tiền mặt (Trích)						
Từ ngày 01/10/23 đến ngày 31/12/23						
Ngày	C	Ngày từ	Diễn giải	T	Số VND	
Ghi Số	Số	Ngày		DU	Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	1,184,791,479	0
10/30/2023	TNH.074/1	10/30/2023	Rút TKNH nhập quỹ TM	1121	680,000,000	0
11/3/2023	HDBR.205	11/3/2023	Doanh thu bán hàng	5111	404,600	0
11/3/2023	HDBR.205	11/3/2023	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 205,03/11/23	33311	1,141,704	0
11/3/2023	HDBR.205	11/3/2023	Doanh thu bán hàng	5111	11,012,436	0
12/4/2023	TNH.028/1	12/4/2023	Nộp TM vào TKNH	1121	0	150,000,000
12/29/2023	PT.013/12	12/29/2023	Rút TKNH nhập quỹ TM	1121	500,000,000	0
12/30/2023	HDBR.333	12/30/2023	Doanh thu bán hàng	5111	17,976,250	0
12/30/2023	HDBR.333	12/30/2023	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 333,30/12/23	33311	1,797,625	0
12/30/2023	PT.014/12	12/30/2023	Rút TKNH nhập quỹ TM	1121	1,250,000,000	0
			CỘNG PHÁT SINH		23,121,832,414	17,309,840,910
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		6,996,782,983	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		38,779,838,435	32,349,149,697
					Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
Người lập			Kế toán trưởng		Giám đốc	

Phụ Lục 3: Sổ Cái Tài Khoản 111 Tiền Mặt

SỔ QUỸ TIỀN MẶT
Loại quỹ: 111 - Tiền mặt
 Từ ngày 01/10/23 đến ngày 31/12/23

Ngày Ghi Số	Ngày Chứng từ	Số chứng từ		Diễn giải	Số tiền (VND)		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
				SỐ DƯ ĐẦU KỶ			1,184,791,479
10/3/2023	10/3/2023	173		Doanh thu bán hàng	17,504,025		1,202,295,504
10/5/2023	10/5/2023	001/10		Rút TKNH nhập quỹ TM	250,000,000		1,452,295,504
10/7/2023	10/7/2023	177		Doanh thu bán hàng	11,919,160		1,464,214,664
10/12/2023	10/12/2023		005/10	Xăng		1,350,234	1,462,864,430
10/13/2023	10/13/2023		013/10	Trả tiền mặt		268	1,462,864,162
10/16/2023	10/16/2023	002/10		Rút TKNH nhập quỹ TM	150,000,000		1,612,864,162
12/30/2023	12/30/2023	333		Doanh thu bán hàng	19,773,875		7,156,912,263
12/31/2023	12/31/2023		019/12	Chênh lệch thanh toán		385	7,123,737,037
12/31/2023	12/31/2023		020/12	Chênh lệch thanh toán		550	7,123,736,487
12/31/2023	12/31/2023		021/12	Chênh lệch thanh toán		1,300	7,123,735,187
12/31/2023	12/31/2023		022/12	Chênh lệch thanh toán		14,411	7,123,720,776
12/31/2023	12/31/2023		023/12	Chênh lệch thanh toán		5	7,123,720,771
12/31/2023	12/31/2023		024/12	Điều chỉnh bút toán ngày 25/05/2021		126,937,788	6,996,782,983
Tổng cộng					23,121,832,414	17,309,840,910	

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thủ quỹ

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHÙNG THANH LƯỢNG

Phụ Lục 4: Sổ Quỹ Tiền Mặt

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HUNG PHÚ	Mẫu số S03b-DN
533/25 Phạm Văn Chí, Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
Mã số thuế: 0315114025	ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :112-Tiền gửi Ngân hàng (Trích)

Từ ngày 01/10/23 đến ngày 31/12/23

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	Số tiền VND			
Ghi số	Số	Ngày	ĐU	Nợ	Có		
				SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	117,066,509	0
10/2/2023	TNH.001/1	10/2/2023	Khách hàng thanh toán tiền hàng HĐ 167	131	368,257,076		0
11/1/2023	TNH.001/1	11/1/2023	Khách hàng thanh toán tiền hàng	131	193,598,900		0
11/15/2023	TNH.056/1	11/15/2023	Khách hàng thanh toán tiền hàng HĐ 218	131	490,000,000		0
11/15/2023	TNH.057/1	11/15/2023	Khách hàng thanh toán tiền hàng HĐ 218	131	420,210,440		0
11/15/2023	TNH.058/1	11/15/2023	Khách hàng thanh toán tiền hàng HĐ 218	131	470,000,000		0
12/11/2023	TNH.056/1	12/11/2023	Rút TKNH nhập quỹ TM	1111	0	1,400,000,000	
				CỘNG PHÁT SINH	39,943,203,852	39,713,912,853	
				SỐ DƯ CUỐI KỲ	346,357,508	0	
				LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM	72,741,873,829	72,607,264,760	
							Ngày 31 tháng 12 năm 2023
	Người lập		Kế toán trưởng				Giám đốc

Phụ Lục 5: Sổ Cái Tài Khoản 112 Tiền Gửi Ngân Hàng

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HUNG PHÚ	Mẫu số S38-DN
533/25 Phạm Văn Chí, Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
Mã số thuế: 0315114025	ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 1121-Ngân hàng ACB (Trích)

Từ ngày 01/10/23 đến ngày 31/12/23

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	Số tiền VND		
Ghi số	Số	Ngày	ĐU	Nợ	Có	
				Số dư đầu kỳ	117,066,509	0
10/2/2023	CTNH.001/10	10/2/2023	Khách hàng thanh toán tiền hàng HĐ 167	131	368,257,076	
11/1/2023	CTNH.001/11	11/1/2023	Khách hàng thanh toán tiền hàng	131	193,598,900	
11/15/2023	CTNH.056/11	11/15/2023	Khách hàng thanh toán tiền hàng HĐ 218	131	490,000,000	
11/15/2023	CTNH.057/11	11/15/2023	Khách hàng thanh toán tiền hàng HĐ 218	131	420,210,440	
11/15/2023	CTNH.058/11	11/15/2023	Khách hàng thanh toán tiền hàng HĐ 218	131	470,000,000	
				Cộng phát sinh	39,943,203,852	39,713,912,853
				Số dư cuối kỳ	346,357,508	0
						Ngày 31 tháng 12 năm 2023
	Người lập		Kế toán trưởng			Giám đốc

Phụ Lục 6: Sổ chi tiết Tài Khoản 112 Tiền Gửi Ngân Hàng

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HUNG PHÚ

Mẫu số S03b-DN

33/25 Phạm Văn Chí, Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
 Mã số thuế : 0315114025

ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :33311 - Thuế GTGT đầu ra

Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số Dư ĐẦU KỶ			
1/10/2023	HDBR.214	11/10/2023	Thuế GTGT đầu ra Hb: 214,10/11/23	131		39,652,563
1/14/2023	HDBR.218	11/14/2023	Thuế GTGT đầu ra Hb: 218,14/11/23	131		169,110,040
2/30/2023	HDBR.333	12/30/2023	Thuế GTGT đầu ra Hb: 333,30/12/23	1111		1,797,625
2/30/2023	HDBR.334	12/30/2023	Thuế GTGT đầu ra Hb: 334,30/12/23	1111		1,744,700
2/30/2023	HDBR.335	12/30/2023	Thuế GTGT đầu ra Hb: 335,30/12/23	131		22,885,446
2/31/2023	KCV.1	12/31/2023	Kết chuyển số dư tài khoản 33311 sang 133	1331	235,190,374	
			CỘNG PHÁT SINH		235,190,374	235,190,374
			Số Dư CUỐI KỶ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		235,190,374	235,190,374

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHÙNG THANH LŨOM

Phụ Lục 7: Sổ Cái Tài Khoản 33311 Thuế GTGT Đầu Ra

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HUNG PHÚ

533/25 Phạm Văn Chí, Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế : 0315114025

SỔ CHI TIẾT CÔNG NỢ THEO ĐỐI TƯỢNG

Tài khoản : 131 - Phải thu của khách hàng (Trích)

ĐT : 0314436647 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÉP CHUNG HOA

Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23

Chứng từ			Hóa đơn		Tên khách hàng	Diễn giải	TK ĐÚ	USD - Phát sinh		VND - Phát sinh	
Loại	Số	Ngày	Số	Ngày				Nợ	Có	Nợ	Có
HDBR	199	10/31/2023	199	10/31/2023	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÉP CHUNG HOA	Doanh thu bán hàng	5111	0.000	0.000	2,913,304,780	0
HDBR	218	11/14/2023	218	11/14/2023	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÉP CHUNG HOA	Doanh thu bán hàng	5111	0.000	0.000	1,691,100,400	0
HDBR	218	11/14/2023	218	11/14/2023	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÉP CHUNG HOA	Thuế GTGT đầu ra Hb: 218,14/11/23	53311	0.000	0.000	169,110,040	0
CTNH	056/11	11/15/2023		11/15/2023	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÉP CHUNG HOA	Khách hàng thanh toán tiền	1121	0.000	0.000	0	490,000,000
CTNH	078/12	12/19/2023		12/19/2023	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÉP CHUNG HOA	Khách hàng thanh toán tiền	1121	0.000	0.000	0	470,000,000
						Cộng phát sinh		0.000	0.000	8,847,163,798	8,847,163,798
						Số dư đầu kỳ		0.000	0.000	0	0
						Số dư cuối kỳ		0.000	0.000	0	0

Phụ Lục 8: Sổ Chi Tiết Công Nợ Theo Đối Tượng 131- Chung Hòa

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày : 31/12/2023

Đơn vị tính : Đồng.

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		25.936.790.947	27.903.900.987
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110		7.343.140.491	777.842.684
1. Tiền	111	V.I	7.343.140.491	777.842.684
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.I	0	0
II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120	V.02	0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	130		13.829.445.415	3.185.716.599
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		13.374.079.250	2.577.595.156
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		455.366.165	608.121.443
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		0	0
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi(*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. HÀNG TỒN KHO	140		4.631.758.876	21.981.188.383
1. Hàng tồn kho	141	V.04	4.631.758.876	21.981.188.383
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150		132.446.165	1.959.153.321
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		132.446.165	1.930.080.085
3. Thuế và Các khoản phải thu nhà nước	153	V.05	0	29.073.236
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		135.818.351	300.556.362
I. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220		59.380.940	71.666.660
1. Tài sản cố định hữu hình	221		59.380.940	71.666.660
- Nguyên giá	222		86.000.000	86.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(26.619.060)	(14.333.340)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		0	0
III. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ	230	V.12	0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN	240	V.12	0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
VI. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	260		76.437.411	228.889.702
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		76.437.411	228.889.702
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		26.072.609.298	28.204.457.349

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		12.495.834.907	24.198.004.894
I. NỢ NGẮN HẠN	310		12.495.834.907	24.198.004.894
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	11.510.051.619	1.353.003.818
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		0	126.937.788
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		0	0
4. Phải trả người lao động	314		0	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.17	0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	0	20.717.280.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		985.783.288	2.000.783.288
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. NỢ DÀI HẠN	330		0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+420)	400		13.576.774.391	4.006.452.455
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	410	V.22	13.576.774.391	4.006.452.455
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	5.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	5.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.423.225.609)	(993.547.545)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431	V.23	0	0
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430= 300+400)	440		26.072.609.298	28.204.457.349

Phụ lục 8: Bảng cân đối Kế Toán

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM
HƯNG PHÚ
533/25 Phạm Văn Chí , Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số thuế : 0315114025

Mẫu số B02 – DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/10/23 đến ngày 31/12/23

ĐVT : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ Nay	Kỳ Trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	40,219,183,504	13,881,195,980
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		40,219,183,504	13,881,195,980
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	39,819,244,875	13,681,048,790
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		399,938,629	200,147,190
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	38,307	25,678
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28	22,779,492	24,805,117
- Trong đó lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25		103,689,287	97,914,047
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		151,867,535	151,100,615
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		121,640,622	(73,646,911)
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32		142,631	40,931,717
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(142,631)	(40,931,717)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		121,497,991	(114,578,628)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		121,497,991	(114,578,628)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phùng Thanh Lượm

